

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/DS-ST

Ngày: 30 - 6 - 2021

V/v tranh chấp về nợ hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà.

Ông Nguyễn Văn Ngư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Cẩm Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc: “Tranh chấp về nợ hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1962. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường 1/5, khu vực 6, phường T, thành phố B, tỉnh Hậu Giang.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Hoài Th, sinh năm 1957. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực 7, phường T, thành phố B, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ liên hệ: Khu vực 2, Đường V, phường B, thành phố B, tỉnh Hậu Giang (đại diện ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 05-3-2021).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 3 năm 2021 của nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Phạm Hoài Th trình bày:

Vào ngày 10-01-2018, ông Đ làm chủ dây hui tháng 5.000.000 đồng, dây hui này có 28 người tham gia, bà T tham gia 02 chân hui. Ngày 15-01-2018 bà T hốt một chân hui được số tiền là 92.400.000 đồng, ông Đ đã giao đủ tiền hui cho bà T. Đến ngày 17-6-2018 bà T hốt chân hui còn lại được số tiền 95.100.000 đồng, ông Đ đã giao đủ số tiền hui cho bà T. Dây hui đã mãn, còn lại 03 phần hui chết bà T không đóng cho ông Đ với số tiền là 30.000.000 đồng. Sau nhiều lần đôn đốc bà T đã trả cho ông Đ được số tiền 8.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 22.000.000 đồng.

Ông Đ có làm đơn yêu cầu Tổ hòa giải cơ sở ấp Đắc Lực, xã Hồ Đắc Kien, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết. Tại buổi hòa giải ngày 27-6-2020 thì ông Đ và bà T thống nhất số tiền hui bà T còn nợ ông Đ là 22.000.000 đồng, bà T trả dần cho ông Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 22.000.000 đồng, nhưng bà T chỉ trả được một tháng với số tiền 1.000.000 đồng thì không trả số tiền hui còn lại. Ông Đ tiếp tục yêu cầu Tổ hòa giải cơ sở ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Sóc Trăng giải quyết nhưng bà T vắng mặt nên tiến hành hòa giải được. Do đó, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho ông Đ tiền hui còn nợ số tiền 22.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giao nộp Đơn tường trình đề ngày 30-6-2021. Theo đơn tường trình này thì người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 1.000.000 đồng bà T đã trả cho ông Đ; Yêu cầu bà T trả cho ông Đ tiền hui còn nợ số tiền 21.000.000 đồng.

- Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Kim T:

Bà T đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T không có văn bản tường trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Kim T trả số tiền hui còn nợ của dây hui tháng khai ngày 10-01-2018. Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim T có địa chỉ cư trú tại Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào

Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là “Tranh chấp về nợ hui”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm a điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn thì vắng mặt không có lý do, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.000.000 đồng mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện này, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện này do người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút lại với số tiền là 1.000.000 đồng.

[4] Ông Đ yêu cầu bà T trả số tiền hui còn nợ của dây hui tháng khui ngày 10-01-2018 với số tiền 21.000.000 đồng. Bà T thì không có ý kiến phản đối yêu cầu này của ông Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, theo danh sách hui viên ngày 25-02-2018 thì dây hui tháng 5.000.000 đồng, khui ngày 10-01-2018 có tổng cộng 28 người tham gia, bà T tham gia hai chân trong dây hui tháng này. Tại Biên nhận tiền hui ngày 15-01-2018 có nội dung: *“Tôi Huỳnh Thị Kim T có nhận tiền hót hui ngày 10-01-2018 gồm 28 phần của anh Đỗ Văn Đ với số tiền là 92.400.000 đồng (chín mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng)”*. Tại giấy nhận tiền hui ngày 17-6-2018 có nội dung: *“Tôi tên Huỳnh Thị Kim T có nhận tiền hui của anh 7 Đấu số tiền 95.100 ngàn (chín mươi lăm triệu một trăm ngàn)”*. Tại Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 27-6-2020, cũng như tại Biên bản xác minh của Tòa án ngày 23-6-2021 thì ông Đ, bà T thống nhất với nhau về số tiền hui còn nợ của dây hui tháng khui ngày 10-01-2018 là 22.000.000 đồng. Bà T đồng ý trả cho ông Đ số tiền hui còn nợ, trả dần mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng, trả thông qua Tổ hòa giải. Thực hiện thỏa thuận bà T đã trả cho ông Đ được số tiền 1.000.000 đồng thì không trả số tiền hui còn nợ còn lại. Từ những chứng cứ trên, Hội đồng xét xử xác định bà T có tham gia dây hui tháng 5.000.000 đồng, khui ngày 10-01-2018 do ông Đ làm chủ hui (đầu thảo). Số tiền hui mà bà T còn nợ ông Đ đối với dây hui này là

22.000.000 đồng. Bà T chỉ trả cho ông Đ được số tiền 1.000.000 đồng thì không trả số tiền hui còn nợ còn lại là vi phạm thỏa thuận trả nợ. Do đó, ông Đ yêu cầu bà T trả tiền hui còn nợ số tiền 21.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án, bà T còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ được Hội đồng xét xử chấp nhận, số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà T phải chịu là 1.050.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm a điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim T trả tiền hui còn nợ.

Buộc bà Huỳnh Thị Kim T phải trả cho ông Đỗ Văn Đ tiền hui còn nợ của dây hui tháng khai ngày 10-01-2018 số tiền 21.000.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi một triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Đỗ Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, bà Huỳnh Thị Kim T còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện ông Đỗ Văn Đ rút lại về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim T trả tiền hui còn nợ của dây hui tháng khai ngày 10-01-2018 số tiền 1.000.000 đồng (bằng chữ: Một triệu đồng).

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.050.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Đỗ Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Đỗ Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 550.000 đồng (bằng chữ: Năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0008573 ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt